

ĐỀ ÔN TẬP TIẾNG ANH 8 (40 CÂU)

TỔNG HỢP KIẾN THỨC: UNIT 1 - UNIT 2 - UNIT 3

Họ và tên:

Lớp:

Thời gian làm bài: 60 phút

Hướng dẫn: Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho mỗi câu hỏi bên dưới.

PART 1: UNIT 1 - LEISURE TIME

Câu 1. My sister adores _____ paper flowers and dollhouses in her leisure time.

- A. making
- B. make
- C. to make
- D. made

Câu 2. He isn't interested in playing sports; he is crazy _____ surfing the net.

- A. on
- B. about
- C. in
- D. with

Câu 3. Doing puzzles and playing chess can help to improve your _____.

- A. mental health
- B. physical health
- C. memory
- D. Cả A & C đều đúng

Câu 4. She is fond of _____ with her close friends at the weekend.

- A. hanging out
- B. hang out
- C. hung out
- D. to hang out

Câu 5. I prefer messaging friends _____ calling them on the phone.

- A. than
- B. to
- C. more than
- D. with

Câu 6. John detests _____ early on Sunday mornings because he wants to sleep more.

- A. to get up
- B. getting up
- C. get up
- D. got up

Câu 7. My brother bought a knitting kit to _____ DIY projects by himself.

- A. make
- B. do
- C. play
- D. go

Câu 8. "I love walking to school every day." - Câu nào có nghĩa tương đương?

- A. I love to walk to school every day.
- B. I detest walking to school every day.
- C. I am bored with walking to school.
- D. I don't mind walk to school.

Câu 9. He is a big _____ of horror movies; he watches them every weekend.

- A. fan
- B. lover
- C. member
- D. keen

Câu 10. She is hooked _____ shopping; she buys new clothes almost every day.

- A. in
- B. on
- C. at
- D. about

Câu 11. Lan fancies _____ gardening when she has free time.

- A. doing
- B. to do
- C. do
- D. done

Câu 12. Doing physical exercises helps to improve your _____ health.

- A. mental
- B. physical
- C. memory
- D. creativity

Câu 13. My father doesn't mind _____ the kitchen after dinner.

- A. cleaning
- B. to clean
- C. clean
- D. cleaned

PART 2: UNIT 2 - LIFE IN THE COUNTRYSIDE

Câu 14. In the countryside, farmers often _____ the rice and dry it in the sun.

- A. harvest
- B. plough
- C. feed
- D. herd

Câu 15. A local boy was helping his father _____ cattle in the pasture.

- A. herd
- B. ride
- C. catch
- D. load

Câu 16. Life in the countryside is _____ than life in big cities.

- A. peacefuller
- B. more peaceful
- C. as peaceful
- D. most peaceful

Câu 17. Mongolian nomads live in a traditional portable tent called a _____.

- A. ger
- B. canal
- C. orchard
- D. paddy field

Câu 18. People in rural areas usually live _____ than those in urban areas.

- A. healthily
- B. more healthily
- C. healthier
- D. healthiest

Câu 19. A harvester can help farmers work much _____ than before.

- A. more quickly
- B. quicklier
- C. quickly
- D. more quick

Câu 20. The villagers were very _____ and welcomed us warmly to their homes.

- A. vast
- B. hospitable
- C. picturesque
- D. well-trained

Câu 21. An ox doesn't plough a field _____ a buffalo.

- A. as well as
- B. better
- C. weller than
- D. good than

Câu 22. Children in the village love flying kites on the dry _____ after harvest.

- A. paddy fields
- B. ponds
- C. canals
- D. lighthouses

Câu 23. Today, he drives a cart _____ than he did yesterday.

- A. more careful
- B. carefully
- C. more carefully
- D. carefuller

Câu 24. Nomadic people move two or three times a year to look _____ new pastures.

- A. for
- B. after
- C. at
- D. up

Câu 25. The scenery in my home village is _____; it looks like a picture.

- A. picturesque
- B. noisy
- C. crowded
- D. vast

Câu 26. On the farm, my uncle showed us how to _____ milk from cows.

- A. feed
- B. milk
- C. catch
- D. plough

PART 3: UNIT 3 - TEENAGERS

Câu 27. Many teenagers suffer from _____ pressure from their parents and peers.

- A. social
- B. peer
- C. school
- D. club

Câu 28. You can _____ to your account to check notifications and messages.

- A. log on
- B. browse
- C. upload
- D. connect

Câu 29. Tom studied very hard; _____, he passed the midterm test easily.

- A. however
- B. therefore
- C. otherwise
- D. but

Câu 30. You must concentrate on the lesson; _____, you won't understand it.

- A. otherwise
- B. however
- C. so
- D. and

Câu 31. Our class has a forum, _____ we can discuss our schoolwork there.

- A. but
- B. so
- C. for
- D. or

Câu 32. The new website is very _____ and easy to navigate.

- A. user-friendly
- B. stressful
- C. mature
- D. focused

Câu 33. She wanted to prepare for her exam, _____ she turned off her phone.

- A. so
- B. but
- C. however
- D. otherwise

Câu 34. School bullies often try to _____ weaker students at school.

- A. scare
- B. coach
- C. connect
- D. improve

Câu 35. Joined school clubs helps teens develop necessary _____ skills.

- A. teamwork
- B. user-friendly
- C. online
- D. pressure

Câu 36. I wanted to join the language club, _____ I didn't have enough time.

- A. and
- B. but
- C. so
- D. or

Câu 37. Minh felt stressed _____ he had too much homework to finish.

- A. because
- B. although
- C. so
- D. however

Câu 38. He decided _____ a new computer club at school.

- A. join
- B. to join
- C. joining
- D. joined

Câu 39. Teenagers often use social media to _____ with friends.

- A. connect
- B. bully
- C. avoid
- D. prepare

Câu 40. Lucy tried her best; _____, she couldn't win the competition.

- A. therefore
- B. however
- C. so
- D. otherwise

ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT (40 CÂU - DÀNH CHO GIÁO VIÊN)

Câu	Đáp án	Kiến thức kiểm tra / Giải thích
1	A	Adore + V-ing (yêu thích làm gì)
2	B	Cấu trúc: Be crazy about + V-ing/N (say mê cái gì)
3	D	Chơi đồ/cờ giúp cải thiện sức khỏe tinh thần và trí nhớ
4	A	Cấu trúc: Be fond of + V-ing (thích làm gì)
5	B	Prefer V-ing TO V-ing (thích làm gì hơn làm gì)
6	B	Detest + V-ing (ghét cay ghét đắng làm gì)
7	B	Do DIY (làm đồ thủ công)
8	A	Love + V-ing = Love + to-V (yêu thích làm gì)
9	A	Be a big fan of (là fan hâm mộ của cái gì)
10	B	Be hooked on (nghiện/mê cái gì)
11	A	Fancy + V-ing (thích làm gì)
12	B	Physical health (sức khỏe thể chất)
13	A	Don't mind + V-ing (không phiền làm gì)
14	A	Harvest the rice (thu hoạch/gặt lúa)
15	A	Herd cattle (chăn gia súc)
16	B	So sánh hơn tính từ dài (more peaceful)
17	A	Ger (lều tròn của người du mục Mông Cổ)
18	B	So sánh hơn của trạng từ (more healthily)
19	A	So sánh hơn của trạng từ dài (more quickly)
20	B	Hospitable (hiếu khách)
21	A	So sánh bằng (as well as)
22	A	Paddy fields (cánh đồng lúa)
23	C	So sánh hơn trạng từ (more carefully)
24	A	Look for (tìm kiếm)
25	A	Picturesque (đẹp như tranh)
26	B	Milk a cow (vắt sữa bò)
27	B	Peer pressure (áp lực đồng trang lứa)
28	A	Log on to an account (đăng nhập tài khoản)
29	B	Therefore (vì vậy) chỉ kết quả
30	A	Otherwise (nếu không thì)
31	B	So (vì vậy)
32	A	User-friendly (thân thiện với người dùng)
33	A	So (vì vậy)
34	A	Bully (kẻ bắt nạt) -> scare (hù dọa)
35	A	Teamwork skills (kỹ năng làm việc nhóm)
36	B	But (nhưng)

Câu	Đáp án	Kiến thức kiểm tra / Giải thích
37	A	Because (bởi vì) chỉ nguyên nhân
38	B	Decide + to-V (quyết định làm gì)
39	A	Connect with friends (kết nối với bạn bè)
40	B	However (tuy nhiên) chỉ sự tương phản